

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
PISICO CORPORATION JOINT
STOCK COMPANY

Số/No: 58/TCT-TCKT

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 4 năm 2024 và giải trình các nội dung liên quan.

Ref: Announcement of information on the separated and consolidated Financial Statements for Quarter 4 of 2024 and explanation of related contents.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Bình Định, ngày 24 tháng 01 năm 2025
Bình Định, day 24 month 01 year 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/ Ha Noi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty PISICO Bình Định – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 4 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau :

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the stock market, PISICO Binh Dinh Corporation – Joint Stock Company discloses Financial statement (FS) for Quarter 4 of 2024 with the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. BCTC Quý 4 năm 2024/ Financial statements for Quarter 4 of 2024

- BCTC Quý 4 năm 2024 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm/ Financial statements for the 4nd quarter of 2024 as prescribed in Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC include:

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ Separate financial statements (TCNY has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/ Consolidated financial statements (TCNY has subsidiaries);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/General financial statements (TCNY has an accounting unit affiliated to the organization of its own accounting apparatus);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm/ The explanatory documents that must be disclosed together with the financial statements as prescribed in Clause 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC include:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?/ Does the profit after corporate income tax in the statement of business results of the reporting period change by 10% or more compared to the report of the same period of the previous year?

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước/ The document explaining profit changed by 10% over the same period last year:

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?/ Is the profit after tax in the reporting period a loss, transferred from profit in the same period of the previous year to a loss in this period or vice versa?

☐ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ Explanation document of the after-tax profit in the loss period, transfer from profit in the same period of the previous year to loss in this period or vice versa:

☐ Có/Yes

☐ Không/No

Nơi nhận:

- Như trên/As above;
- Website PISICO;
- Ban Tổng giám đốc/Board of Directors;
- Các phòng nghiệp vụ/Departments;
- Lưu:VT/Archives:VT

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

Legal representative/Person authorized to
disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signed, full name, position, and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dòng Thị Ánh

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
PISICO CORPORATION JOINT
STOCK COMPANY

Số: 39 /TCT-TCKT

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2024 và giải trình các nội dung liên quan.

Ref: Announcement of information on the Consolidated Financial Statements for Quarter 4/2024 and explanation of related contents.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Bình Định, ngày 24 tháng 01 năm 2025
Binh Dinh, day 24 month 01 year 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/ Ha Noi Stock Exchange

1. Tổ chức công bố thông tin/Organization of information disclosure:

- Tên Công ty/Company name: Tổng công ty PISICO Bình Định – CTCP/PISICO Binh Dinh Corporation - Joint Stock Company
- Mã chứng khoán/Stock code: PIS
- Địa chỉ/Address: số 99 Tây Sơn, Phường Ghènh Ráng Thành phố Quy Nhơn – Bình Định/ No. 99 Tay Son, Ghenh Rang ward, Quy Nhon city, Binh Dinh province
- Điện thoại/Phone: (0256) 3947099 Fax: (0256) 3947029
- Người thực hiện công bố thông tin/Information disclosure person: Bà Đồng Thị Anh - Tổng giám đốc/ Ms. Dong Thi Anh - General Director

2. Nội dung công bố thông tin/ Contents of information disclosure:

2.1. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2024 của Tổng công ty PISICO Bình Định – CTCP/ Consolidated financial statements for the quarter 4/2024 of PISICO Binh Dinh Corporation - Joint Stock Company

2.2. Các nội dung giải trình/ Explanation contents:

Giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước/ Explanation of fluctuations in profit after tax Consolidated financial statements Q4/2024 compared to the same period last year:

Stt No.	Chỉ tiêu/ Quota	Quý 4/2024 Quarter 4/2024	Quý 4/2023 Quarter 4/2023	Chênh lệch/ Uneven
1	Thu nhập khác/ Other income	32.397.609.328	323.000.350	+9.930,21%
2	Lợi nhuận khác/ Other profit	32.263.829.328	295.977.982	+10.080,75%
3	Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	35.854.548.867	21.797.825.746	+64,49%

Thu nhập khác tăng +9.930,21% so với cùng kỳ làm cho Lợi nhuận khác tăng +10.080,75% dẫn đến Lợi nhuận sau thuế tăng +64,49% so với cùng kỳ năm trước.



[Handwritten signature]

Other income increased by +9,930.21% over the same period, making other profit increase by +10,080.75%, resulting in Profit after tax increasing by +64,49% over the same period last year.

Thu nhập khác tăng cao do trong năm Tổng công ty PISICO đã ghi nhận việc tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

Other income increased because in the year PISICO has recorded the compensation for site clearance.

Địa chỉ Website đăng tải: Thông tin này đã được công bố trên Website của PISICO vào ngày 24/01/2025 tại đường dẫn: www.pisico.vn

Posting address: This information was published on PISICO's website on 24/01/2025 at the link: www.pisico.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

We commit that the information published above is true and fully responsible before the law for the content of the information that has been published.

Nơi nhận/ Recipient:

- Như trên/Above;
- Website PISICO/ PISICO's website;
- Ban Tổng giám đốc/ Board of General Directors;
- Các phòng nghiệp vụ/ Departments
- Lưu: VT/ Archives: VT



DONG THI ANH



20

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-4
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	5
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6-7
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8-28

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		252.235.894.217	272.802.472.965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	13.094.138.837	25.928.084.357
1. Tiền	111		12.694.138.837	22.628.084.357
2. Các khoản tương đương tiền	112		400.000.000	3.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.900.000.000	28.465.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2	36.900.000.000	28.465.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150.727.768.181	148.710.241.807
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	36.912.330.745	28.438.663.495
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 4	33.504.659.359	56.558.841.811
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		39.709.441.549	37.641.199.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 5	48.279.737.957	33.339.048.356
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(7.678.401.429)	(7.267.510.855)
IV. Hàng tồn kho	140	V. 6	47.773.706.129	61.152.007.106
1. Hàng tồn kho	141		47.773.706.129	61.152.007.106
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.740.281.070	8.547.139.695
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 12	403.415.142	527.594.354
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.806.677.249	7.692.761.578
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 16	530.188.679	326.783.763

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		503.146.360.026	349.928.285.305
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.076.494.000	8.854.494.000
1, Phải thu dài hạn khác	216		9.076.494.000	8.854.494.000
II. Tài sản cố định	220		57.386.130.041	65.948.104.434
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 9	47.410.190.121	55.663.524.226
Nguyên giá	222		187.579.583.501	187.489.583.501
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.169.393.380)	(131.826.059.275)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V. 10	9.975.939.920	10.284.580.208
Nguyên giá	228		13.661.264.000	13.661.264.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.685.324.080)	(3.376.683.792)
III. Bất động sản đầu tư	230	V. 11	30.427.518.924	31.847.765.248
1 Nguyên giá	231		86.358.014.919	86.358.014.919
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(55.930.495.995)	(54.510.249.671)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		257.734.615.603	102.569.987.039
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V. 8	255.527.397.954	99.902.201.197
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8	2.207.217.649	2.667.785.842
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		135.141.994.713	127.534.841.863
1. Đầu tư vào công ty con	251		553.616.000	-
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 2	130.716.427.847	123.662.890.997
2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2	7.511.619.996	7.511.619.996
3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.639.669.130)	(3.639.669.130)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.379.606.745	13.173.092.721
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 12	12.959.602.029	12.360.646.298
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		420.004.716	812.446.423
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		755.382.254.243	622.730.758.270

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		298.756.955.297	248.024.338.692
I. Nợ ngắn hạn	310		216.699.292.063	167.628.850.736
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 14	16.038.810.601	20.003.957.592
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 15	397.835.094	5.615.865.879
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 16	40.578.979.112	2.302.901.066
4. Phải trả người lao động	314		12.699.311.950	10.046.932.111
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 17	2.058.369.351	2.949.341.529
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 20a	7.422.660.510	7.177.556.667
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 18	9.792.156.214	9.920.334.340
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13	126.920.645.385	108.527.563.121
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	790.523.846	1.084.398.431
II. Nợ dài hạn	330		82.057.663.234	80.395.487.956
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 20b	76.896.533.316	74.632.583.038
2. Phải trả dài hạn khác	337		4.937.380.712	4.939.780.712
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13	223.749.206	823.124.206
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		456.625.298.946	374.706.419.578
I. Vốn chủ sở hữu	410		456.625.298.946	374.706.419.578
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 21	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V. 21	(21.080.034.708)	(20.551.070.637)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 21	12.958.335.540	12.958.335.540
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 21	76.410.648.229	27.828.213.575
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.329.088.845	(37.139.571.562)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56.081.559.384	64.967.785.137
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V. 22	113.336.349.885	79.470.941.100
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		755.382.254.243	622.730.758.270

Bình Định, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Hoàng Trọng Việt
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng

Đồng Thị Ánh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Từ ngày 01/01/2024 -> 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		103.999.237.479	107.316.473.184	462.127.746.032	564.637.908.749
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	103.999.237.479	107.316.473.184	462.127.746.032	564.637.908.749
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	88.431.168.803	88.894.131.631	393.775.656.460	493.577.925.699
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.568.068.676	18.422.341.553	68.352.089.572	71.059.983.050
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	4.118.130.621	3.196.155.035	14.435.597.267	12.258.456.920
7.	Chi phí tài chính	22	VI. 4	1.785.830.877	3.455.470.648	8.387.707.328	8.595.066.781
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.900.718.830	1.399.490.828	7.652.038.071	4.889.996.579
8.	Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		6.258.488.809	17.010.803.560	13.208.402.128	47.380.237.376
9.	Chi phí bán hàng	25		5.081.777.335	4.537.579.689	20.002.407.834	23.019.157.820
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.785.136.310	8.226.762.971	25.746.755.570	25.286.507.249
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.291.943.584	22.409.486.840	41.859.218.235	73.797.945.496
12.	Thu nhập khác	31	VI. 5	32.397.609.328	323.000.350	33.998.220.329	2.289.103.196
13.	Chi phí khác	32	VI. 6	133.780.000	27.022.368	505.604.244	124.443.777
14.	Lợi nhuận khác	40		32.263.829.328	295.977.982	33.492.616.085	2.164.659.419
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.555.772.912	22.705.464.822	75.351.834.320	75.962.604.915
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 7	7.614.077.997	823.236.608	11.735.473.418	4.977.818.787
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		87.146.048	84.402.468	392.441.707	338.575.710
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.854.548.867	21.797.825.746	63.223.919.195	70.646.210.418
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	61	VI. 8	36.744.972.941	20.693.341.719	56.081.559.384	64.967.785.137
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(890.424.074)	1.104.484.027	7.142.359.811	5.678.425.281
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 9	1.336	752	2.039	2.362

Bình Định, ngày 24 tháng 01 năm 2025




Hoàng Trọng Việt
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng




Đồng Thị Anh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu B 03 - DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****Từ ngày 01/01/2024 -> 31/12/2024****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.351.834.320	75.962.604.915
2. Điều chỉnh cho các khoản			(32.008.514.835)	(38.369.630.189)
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII. 1	10.072.220.717	12.213.389.381
- Các khoản dự phòng	03		410.890.574	2.246.116.154
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(25.743.983)	54.578.558
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII. 2	(50.117.920.214)	(57.773.710.861)
- Chi phí lãi vay	06		7.652.038.071	4.889.996.579
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.343.319.485	37.592.974.726
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.088.578.643)	(49.488.947.040)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(142.246.895.780)	(50.859.361.061)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		26.845.766.058	(6.817.851.951)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(474.776.519)	469.316.125
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.573.773.101)	(4.900.877.070)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.619.080.810)	(6.300.545.877)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.400.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.747.160.105)	(4.431.349.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(94.555.779.415)	(84.736.641.703)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		2.812.911.586	(8.551.396.544)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		32.204.043.603	227.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(109.747.162.173)	(69.125.419.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		98.206.998.992	79.750.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.976.273.112	20.791.017.764
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		35.453.065.120	23.091.474.947

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		32.618.590.857	51.951.481.984
2. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 3	541.062.288.244	457.745.082.542
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII. 4	(522.808.580.980)	(448.310.847.906)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và CĐTS	36		(4.802.000.000)	(30.605.153.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		46.070.298.121	30.780.562.630
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(13.032.416.174)	(30.864.604.126)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.928.084.357	56.797.259.117
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			198.470.654	(4.570.634)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		13.094.138.837	25.928.084.357

Bình Định, ngày 24 tháng 01 năm 2025

**Hoàng Trọng Việt**
Lập biểu**Nguyễn Hoàng Lam**
Kế toán trưởng**Đông Thị Ánh**
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2024 -> 31/12/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 7 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và khai thác lâm sản khác; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, bảo quản hàng hóa; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. Cấu trúc doanh nghiệp

	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ theo GPKD	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
a. Công ty con					
	Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	99,90%	99,90%
	Cty TNHH MTV truyền hình Cáp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	10.000.000.000	100%	100,00%
	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn.	24.500.000.000	51%	51,00%
	Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây sơn, P. Ghềnh Ráng Tp.Quy Nhơn.	5.000.000.000	100%	100,00%
	Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	99 Tây sơn, P. Ghềnh Ráng Tp.Quy Nhơn.	350.000.000.000	57,14%	57,14%
	Công ty CP Pisico Đắc Lắc	25 An Dương Vương, TT M-Đrăk, H.M'Đrăk, Tỉnh Đắc Lắc	15.000.000.000	80,87%	80,87%
	Công ty CP Đầu tư Pisico Đắc Lắc	25 An Dương Vương, TT M-Đrăk, H.M'Đrăk, Tỉnh Đắc Lắc	12.000.000.000	83,20%	83,20%
b. Công ty liên doanh, liên kết					
	Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50%	50,00%
	Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%	31,28%
	Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất Thành Tâm	Một phần Lô A12 + Lô A13, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	22.500.000.000	40,01%	40,01%
	Công ty CP PISICO Hà Thanh	Lô A3, Cụm CN thị trấn Văn Canh, Văn Canh, Bình Định	23.800.000.000	44,97%	44,97%
	Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định (Gián tiếp)	Lô E15.1 + E16.2, KCN Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	9.000.000.000	22,95%	45,00%

c. Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:**► Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico**

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con cho cùng giai đoạn tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tỷ giá được chọn để áp dụng trong kế toán: tỷ giá được niêm yết tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

Các báo cáo tài chính có đồng tiền kế toán không phải là Việt Nam đồng được chuyển đổi sang Việt Nam đồng phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình chuyển đổi Bảng Cân đối kế toán được trình bày tại khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Các khoản cho vay

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Một Công ty được xác định là công ty liên kết khi Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết không được phân bổ và được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên thời gian thu hồi còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà có bằng chứng cho thấy người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho, các chi phí thu mua (nếu có), các chi phí gia công sản xuất (nếu có)... để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, và khi có bằng chứng cho thấy giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Tài sản khác	4 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Khi bắt động động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ, khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

8. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ mà Tổng Công ty phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác.

Nợ phải trả được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên thời gian thanh toán còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

14. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN áp dụng trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ thuế hoặc được khấu trừ ở các năm khác (bao gồm cả số lỗ mang sang, nếu có).

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất, và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó phát sinh liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt tại quỹ	5.693.327.614	5.311.268.273
Tiền gửi ngân hàng	7.000.811.223	17.316.816.084
Các khoản tương đương tiền	400.000.000	3.300.000.000
Cộng	13.094.138.837	25.928.084.357

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
Ngắn hạn	36.900.000.000	36.900.000.000	28.465.000.000	28.465.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	36.900.000.000	36.900.000.000	28.465.000.000	28.465.000.000
Cộng	36.900.000.000	36.900.000.000	28.465.000.000	28.465.000.000

b. Đầu tư tài chính dài hạn**b1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty CP chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	Công ty TNHH SX Dăm gỗ BD (Gián tiếp)	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2023	12.898.371.588	20.579.649.913	15.861.179.744	21.927.207.558	71.266.408.803
Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	7.767.617.149	6.951.015.652	30.817.380.411	1.844.224.164	47.380.237.376
Cổ tức nhận trong kỳ	(5.351.390.000)	(6.662.220.000)		(2.942.100.000)	(14.955.710.000)
Tăng/(giảm) VCSH tại công ty liên kết	(578.419.544)	(985.494.000)		-	(1.563.913.544)
Tăng/(giảm) CLTG hối đoái tại công ty liên kết			21.331.842.361	204.026.001	21.535.868.362
Tại ngày 31/12/2023	14.736.179.193	19.882.951.565	68.010.402.516	21.033.357.723	123.662.890.997
Tại ngày 01/01/2024	14.736.179.193	19.882.951.565	68.010.402.516	21.033.357.723	123.662.890.997
Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	4.466.587.043	4.801.858.781	883.066.429	3.056.889.875	13.208.402.128
Cổ tức nhận trong kỳ		-		(1.588.288.770)	(1.588.288.770)
Tăng/(giảm) VCSH tại công ty liên kết	(643.410.011)	(875.161.565)	(3.931.945.466)	883.940.534	(4.566.576.508)
Tại ngày 31/12/2024	18.559.356.225	23.809.648.781	64.961.523.479	23.385.899.362	130.716.427.847

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b2. Đầu tư vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
CTCP Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
CTCP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	5.000	95.000.000	5.000	95.000.000
Cộng		7.511.619.996		7.511.619.996

Thông tin về Công ty đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	Thôn Hữu Lộc, Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Bình Định	28.000.000.000	12,71%
Công ty CP CB LS PISICO Quảng Nam	Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	12.000.000.000	18,96%

*** Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
- Công ty CP Chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	3.639.669.130	3.639.669.130
Cộng	3.639.669.130	3.639.669.130

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
a. Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	1.829.822.092	1.799.914.464
b. Phải thu các bên thứ ba	35.082.508.653	26.638.749.031
Cty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	15.494.732.765	3.480.175.307
OBI	1.428.221.811	2.581.250.784
Khách hàng SIPLEC	5.605.830.579	12.464.651.522
LANDI SCHWEIZ AG	3.597.004.950	-
CTY TNHH VẠN ĐẠI	1.000.465.628	865.446.580
DNTN Phú Lợi	2.189.805.278	2.161.510.492
CTY TNHH HOÀNG GIA	-	851.855.047
CÔNG TY TNHH HƯNG THÀNH NGÂN	-	896.675.000
Khách hàng khác	5.766.447.642	3.337.184.299
Cộng	36.912.330.745	28.438.663.495

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
a. Trả trước các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	16.410.000.000	34.800.000.000
b. Trả trước cho các bên thứ ba	17.094.659.359	21.758.841.811
CTCP TƯ VẤN TK XD PHƯƠNG VIỆT	3.497.790.000	3.497.790.000
CTY TNHH CƠ KHÍ LIÊN TRÌ	-	2.592.000.000
CTY TNHH XD VÀ TM CHÍ HIẾU	1.386.748.679	1.386.748.679
CTY TNHH CAO NGUYỄN LÂM	-	2.056.682.200
CTY TNHH AN LỘC PHÁT	-	8.995.000.000
Khách hàng khác	12.210.120.680	3.230.620.932
Cộng	33.504.659.359	56.558.841.811
Trả trước người bán mua TSCĐ	31/12/2024	01/01/2024
Trả trước TSCĐ	3.564.748.679	4.251.748.679
Cộng	3.564.748.679	4.251.748.679

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. Phải thu khác

	31/12/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn	48.279.737.957	33.339.048.356
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	10.028.664.995	25.014.069.964
- Phải thu các bên thứ ba	38.251.072.962	8.324.978.392
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các đơn vị thuê đất	11.784.483	9.597.639
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	64.543.144	73.709.454
Phải thu lãi vay, lãi tiền gửi	108.852.055	234.280.822
Công ty CP Tinh bột sắn XK Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
Tạm ứng CBCNV	629.211.038	1.812.175.400
Cổ tức được chia	-	1.478.750.000
Tiền thuê đất thô phải thu của các DN	253.516.264	214.225.966
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	32.204.043.603	
Ký quỹ	2.336.600.000	2.000.000.000
Các khoản khác	1.609.318.803	1.469.035.539
b. Dài hạn	9.076.494.000	8.854.494.000
Ký quỹ thực hiện dự án Đắc Lắc	436.809.000	214.809.000
Ký quỹ thực hiện dự án NOXH/Khu dân cư Ánh Việt	8.639.685.000	8.639.685.000
Cộng	57.356.231.957	42.193.542.356

6. Hàng tồn kho

	31/12/2024	01/01/2024
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.706.831.660	15.614.162.889
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.336.500.100	1.474.920.106
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.512.781.927	13.632.817.835
Thành phẩm tồn kho	21.217.592.442	30.430.106.276
Cộng	47.773.706.129	61.152.007.106

7. Dự phòng phải thu khó đòi

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thu hồi
CTCP Chế biến						
Tinh bột sắn BD	1.033.203.572	1.033.203.572	-	1.033.203.572	1.033.203.572	-
Công ty TNHH						
Vạn Đại	634.655.826	243.486.064	391.169.762		0	-
DNTN Phú lợi	2.238.953.678	2.238.953.678	-	2.186.084.692	2.186.084.692	-
Đặng Ngọc Sơn	741.390.900	741.390.900	-	741.390.900	741.390.900	-
Trần Thanh Tâm	794.305.450	794.305.450	-	794.305.450	794.305.450	-
Khách hàng khác	3.295.823.625	2.627.061.765	668.761.860	2.983.289.233	2.512.526.241	470.762.992
Cộng	8.738.333.051	7.678.401.429	1.059.931.622	7.738.273.847	7.267.510.855	470.762.992

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	255.527.397.954	99.902.201.197,00
- CP Trồng Rừng kinh tế	28.958.618.110	27.167.719.810
- CP Dự án NOXH + Khu dân cư Ánh Việt	226.568.779.844	72.734.481.387,00
b. Xây dựng cơ bản dở dang	2.207.217.649	2.667.785.842,00
- Chi xây dựng cơ bản dở dang khác	2.207.217.649	2.667.785.842,00
Cộng	257.734.615.603	102.569.987.039,00

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2024	73.261.681.333	93.371.694.606	18.265.438.030	1.535.285.850	1.055.483.682	187.489.583.501
Đầu tư mới	-	90.000.000	-	-	-	90.000.000
Tại 31/12/2024	73.261.681.333	93.461.694.606	18.265.438.030	1.535.285.850	1.055.483.682	187.579.583.501
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2024	43.372.828.375	74.238.907.190	11.630.265.905	1.528.574.123	1.055.483.682	131.826.059.275
Trích khấu hao	2.485.980.403	4.597.008.509	1.253.633.466	6.711.727	0	8.343.334.105
Tại 31/12/2024	45.858.808.778	78.835.915.699	12.883.899.371	1.535.285.850	1.055.483.682	140.169.393.380
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2024	29.888.852.958	19.132.787.416	6.635.172.125	6.711.727	0	55.663.524.226
Tại 31/12/2024	27.402.872.555	14.625.778.907	5.381.538.659	0	0	47.410.190.121

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất + CP GPMB	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2024	-	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Tại 31/12/2024	-	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2024		3.322.683.792	54.000.000	3.376.683.792
Trích khấu hao		308.640.288	-	308.640.288
Tại 31/12/2024	-	3.631.324.080	54.000.000	3.685.324.080
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2024	-	10.284.580.208	-	10.284.580.208
Tại 31/12/2024	-	9.975.939.920	-	9.975.939.920

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh	Nhà máy dầm tại Bồng Sơn cho thuê	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2024	38.635.719.983	36.920.640.136	10.801.654.800	86.358.014.919
Tại 31/12/2024	38.635.719.983	36.920.640.136	10.801.654.800	86.358.014.919
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2024	38.510.004.919	9.972.405.820	6.027.838.932	54.510.249.671
Trích khấu hao	59.433.764	794.184.380	566.628.180	1.420.246.324
Phát sinh giảm			0	0
Tại 31/12/2024	38.569.438.683	10.766.590.200	6.594.467.112	55.930.495.995
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2024	125.715.064	26.948.234.316	4.773.815.868	31.847.765.248
Tại 31/12/2024	66.281.300	26.154.049.936	4.207.187.688	30.427.518.924

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định).

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí trả trước ngắn hạn	403.415.142	527.594.354
Chi phí trả trước dài hạn	12.959.602.029	12.360.646.298
Cộng	13.363.017.171	12.888.240.652

13. Vay và nợ thuê tài chính

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại 01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại 31/12/2024
Vay ngân hàng	108.527.563.121	541.431.663.244	523.038.580.980	-	126.920.645.385
Vay ngắn hạn	107.845.063.121	541.062.288.244	522.446.705.980	-	126.460.645.385
Vay VND	96.191.839.121	528.835.974.044	498.567.167.780	-	126.460.645.385
Vay USD	11.653.224.000	12.226.314.200	23.879.538.200	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	682.500.000	369.375.000	591.875.000	-	460.000.000
Cộng	108.527.563.121	541.431.663.244	523.038.580.980	-	126.920.645.385

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tại 01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Điều chỉnh trong kỳ	Tại 31/12/2024
A. Vay dài hạn	823.124.206	0	599.375.000	-	223.749.206
VCB Quy Nhơn	823.124.206	0	599.375.000	-	223.749.206
Vay Việt Nam Đồng	823.124.206	0	599.375.000	-	223.749.206
Cộng	823.124.206	0	599.375.000	-	223.749.206

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
- Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	-	2.070.835.031
- Phải trả các bên thứ ba	16.038.810.601	17.933.122.561
Công ty TNHH THC Sài Gòn tourist	2.046.374.534	2.050.444.091
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP QUỲNH NHÂN	-	2.918.265.027
Điện lực Bình Định	-	1.009.507.154
Công ty TNHH MTV DV Logistics Cảng QN	494.544.607	614.054.578
CTY TNHH VẬN TẢI ĐẠT HUY	-	1.292.352.750
NGUYỄN NGỌC ÂN	-	1.433.509.750
Khách hàng khác	13.497.891.460	8.614.989.211
Cộng	16.038.810.601	20.003.957.592

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
- Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	-	5.000.000.000
- Phải trả các bên thứ ba	397.835.094	615.865.879
KHÁCH HÀNG MIDAN GLOBAL	230.891.060	445.391.280
KHÁCH HÀNG STI GROUP INC	115.697.230	115.697.230
Khách hàng khác	51.246.804	54.777.369
Cộng	397.835.094	5.615.865.879

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	208.108.432	-	443.043.320
Thuế xuất, nhập khẩu	356.001.670	-	82.600.368	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.187.009	7.832.090.901	-	1.513.611.284
Thuế thu nhập cá nhân	-	88.868.148	-	97.157.934
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	32.204.043.607	244.183.395	-
Các loại thuế khác	-	245.868.024	-	249.088.528
Cộng	530.188.679	40.578.979.112	326.783.763	2.302.901.066

Chi tiết như sau:

	Tại 01/01/2024	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Tại 31/12/2024
Thuế GTGT hàng nội địa	443.043.320	14.509.374.276	14.744.309.164	208.108.432
Thuế xuất, nhập khẩu		5.561.748.242	5.288.346.940	(356.001.670)
Thuế thu nhập DN	1.513.611.284	11.763.373.418	5.619.080.810	7.657.903.892
Thuế môn bài	-	22.000.000	22.000.000	-
Thuế nhà đất, thuê đất	(244.183.395)	150.404.501.317	117.956.274.315	32.204.043.607
Thuế thu nhập cá nhân	97.157.934	1.358.719.630	1.367.009.416	88.868.148
Thuế khác	249.088.528	354.436.227	357.656.731	245.868.024
Cộng	2.058.717.671	183.974.153.110	145.354.677.376	40.048.790.433

17. Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí thuê bản quyền truyền hình, băng thông	183.385.782	159.979.878
Lãi vay phải trả	193.223.289	114.958.319
Tiền lương, phép và tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	121.693.840	111.624.500
Các khoản chi phí khác	529.734.284	473.322.690
Phí hoa hồng môi giới	629.799.680	313.438.436
Chi phí khai thác rừng & QLBV rừng	343.532.476	1.719.017.706
Thù lao HĐQT, thư ký và BKS không chuyên trách	57.000.000	57.000.000
Cộng	2.058.369.351	2.949.341.529

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn	9.801.156.214	9.920.334.340
Tiền bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	10.000.000
Tiền cọc cho thuê Văn phòng	113.000.000	113.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	6.174.714
Kinh phí công đoàn	924.183.727	980.847.144
Phải trả cổ tức	47.627.155	51.179.160
Cty Nhuận bang (LN Phải trả)	58.634.180	58.634.180
Các khoản khác	8.647.711.152	8.700.499.142
b. Dài hạn	4.928.380.712	-
Cộng	14.729.536.926	9.920.334.340

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tại 01/01/2024

1.084.398.431

Trích từ lợi nhuận sau thuế

3.629.885.520

Thu khác

5.400.000

Chi khen thưởng, phúc lợi

3.929.160.105

Tại 31/12/2024

790.523.846

20. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn	7.422.660.510	7.083.514.370
Doanh thu cho thuê CSHT CCN Nhơn Bình	177.767.841	177.768.161
Doanh thu cho thuê CSHT CNN Cát Nhơn	2.479.650.869	2.474.718.119
Doanh thu cho thuê NM Bồng Sơn	2.675.561.644	2.429.026.196
Cho thuê Văn phòng làm việc	300.506.017	300.506.017
Doanh thu thuê bao Truyền hình cáp + Internet	1.789.174.139	1.701.495.877
b. Dài hạn	76.896.533.316	74.726.625.335
Doanh thu cho thuê CSHT CNN Cát Nhơn	73.000.851.349	74.346.571.305
Doanh thu cho thuê CSHT CCN Nhơn Bình	7.106.625	184.874.747
Doanh thu cho thuê NM Bồng Sơn	3.888.575.342	195.179.283
Cộng	84.319.193.826	81.810.139.705

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21. Vốn chủ sở hữu**Chi tiết biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2023	275.000.000.000	(5.603.153.785)	12.958.335.540	(41.661.865.977)	240.693.315.778
Lợi nhuận năm 2023				64.967.785.137	64.967.785.137
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi				(1.687.604.585)	(1.687.604.585)
Chia cổ tức				(27.610.000.000)	(27.610.000.000)
Tăng/(giảm) VCSH tại Công ty liên kết				34.819.899.000	34.819.899.000
Chênh lệch giá mua CLTG hối đoái		(14.947.916.852)			(14.947.916.852)
Tại 31/12/2023	275.000.000.000	(20.551.070.637)	12.958.335.540	27.828.213.575,00	295.235.478.478
Tại ngày 01/01/2024	275.000.000.000	(20.551.070.637)	12.958.335.540	27.828.213.575	295.235.478.478
Lợi nhuận năm 2024				56.081.559.384	56.081.559.384
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi				(2.732.533.817)	(2.732.533.817)
Tăng/(giảm) VCSH tại Công ty liên kết				(4.185.822.257)	(4.185.822.257)
Các khoản chi từ LNCP				(580.768.656)	(580.768.656)
CLTG hối đoái		(528.964.071)		-	(528.964.071)
Tại 31/12/2024	275.000.000.000	(21.080.034.708)	12.958.335.540	76.410.648.229	343.288.949.061

Cơ cấu sở hữu

Cổ đông	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Quỹ Đầu tư Phát triển BĐ	-	-		
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Cộng		275.000.000.000		275.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

22. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	CT CP DV & PT hạ tầng P.B.C	Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN	Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	PISICO ĐAKLAK	ĐẦU TƯ PISICO ĐAKLAK	Tổng Cộng
Tại ngày 1/1/2023	31.403.417	19.845.922.790	917.466.373	987.900.000		21.782.692.580
Vốn góp của CĐKKS		-	51.404.695.984	169.500.000	377.286.000	51.951.481.984
Lợi nhuận trong năm 2023	1.607.247	5.682.952.574	-6.164.540			5.678.395.281
Tăng/(giảm) lợi ích CĐKKS tương ứng các biến động khác trong VCSH	(441.486)	58.812.741				58.371.255
Tại 31/12/2023	32.569.178	25.587.688.105	52.315.997.817	1.157.400.000	377.286.000	79.470.941.100
Vốn góp của CĐKKS			32.388.175.857	(706.384.000)	936.799.000	32.618.590.857
Lợi nhuận trong năm 2024	1.071.339	7.131.509.609	9.778.863			7.142.359.811
Chia cổ tức		-4.802.000.000				-4.802.000.000
Tăng/(giảm) lợi ích CĐKKS tương ứng các biến động khác trong VCSH	-424.762	-1.093.117.120				-1.093.541.882
Tại 31/12/2024	33.215.755	26.824.080.594	84.713.952.537	451.016.000	1.314.085.000	113.336.349.885

Chi tiết biến động Lợi ích CĐKKS

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 31/12/2023	65.889.381.984	2.312.099.004	2.706.473.777	8.562.986.335	79.470.941.100
Góp vốn	32.618.590.857	-	-	-	32.618.590.857
Lợi nhuận năm 2024	-	-	-	7.142.359.811	7.142.359.811
Trích Quỹ và chi từ LNST	-	-	-	(1.622.757.643)	(1.622.757.643)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.802.000.000)	(4.802.000.000)
CLTG hối đoái		529.215.761	-	-	529.215.761
	98.507.972.841	2.841.314.765	2.706.473.777	9.280.588.503	113.336.349.885

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024	01/01/2024
a. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	30.874,33	1.091.473,83
EURO	13,66	136,93
b. Nợ khó đòi đã xử lý	6.170.468.252	6.170.468.252

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
Tổng doanh thu	462.127.746.032	564.637.908.749
Doanh thu thuần	462.127.746.032	564.637.908.749
Trong đó:		
Doanh thu sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	428.822.330.093	527.783.131.806
Doanh thu cho thuê và DV hạ tầng	10.754.641.968	12.021.828.731
Doanh thu DV Truyền Hình Cáp	22.419.726.971	24.832.948.212
Doanh thu dịch vụ đào tạo và xuất khẩu lao động	131.047.000	
Cộng	462.127.746.032	564.637.908.749

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
Giá vốn sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	371.780.163.977	467.394.721.740
Giá vốn cho thuê và DV hạ tầng	6.040.808.844	7.350.144.165
Giá vốn DV Truyền Hình Cáp	15.954.683.639	18.833.059.794
Cộng	393.775.656.460	493.577.925.699

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
Lãi khác (Thanh lý H/Đồng....)	1.953.523.300	4.695.588.826
Lãi tiền gửi, cho vay	4.687.974.483	3.145.611.932
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.594.266.214	2.092.256.162
Lãi từ hoạt động đầu tư ngoài DN	5.199.833.270	2.325.000.000
Cộng	14.435.597.267	12.258.456.920

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
Chi phí lãi vay	7.652.038.071	4.889.996.579
Dự phòng đầu tư tài chính	155.552.096	2.755.763.157
Lỗ CLTG đánh giá lại cuối kỳ	580.117.161	939.313.072
Chi phí khác	-	9.993.973
Cộng	8.387.707.328	8.595.066.781

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	227.272.727
Tiền thưởng tàu	1.091.877.365	1.573.978.821
Tiền đền bù GPMB	32.204.043.603	387.837.000
Thu nhập khác	702.299.361	100.014.648
Cộng	33.998.220.329	2.289.103.196

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
Chi thù lao HĐQT	108.000.000	-
Các khoản chi phí khác	397.604.244	124.443.777
Cộng	505.604.244	124.443.777

7. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
- Công ty Cổ phần chế biến gỗ nội thất thành tâm	4.801.858.781	6.951.015.652
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	4.466.587.043	7.767.617.149
- Công ty TNHH SX Dầm gỗ Bình Định	3.056.889.875	1.844.224.164
- Công ty Cổ phần KD CNN Bình Định	883.066.429	30.817.380.411
Cộng	13.208.402.128	47.380.237.376

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
Lợi nhuận trước thuế	75.351.834.320	75.962.604.915
Các khoản điều chỉnh tăng	5.107.900.596	1.295.170.657
Khoản lỗ tại các đơn vị thành viên không được bù trừ	809.477.453	14.383.927
Các khoản chi phí không được trừ	4.298.423.143	1.280.786.730
Các khoản điều chỉnh giảm	18.749.705.310	52.368.681.636
Cổ tức và phần lãi từ công ty liên kết	16.794.039.617	49.705.237.376
Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm trước	15.998.045	970.565.719
Các khoản khác	1.939.667.648	1.692.878.541
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	61.710.029.606	24.889.093.936
<u>Trong đó:</u>		
Tổng thu nhập chịu thuế suất 20%	58.677.367.087	24.889.093.936
Thuế TNDN tính theo thuế suất	11.735.473.418	4.977.818.787
Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.735.473.418	4.977.818.787

9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
Lợi nhuận sau thuế tính cho cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con:		
- Công ty Cổ phần Pisico ĐakLak	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	9.778.863	1.607.247
- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	1.071.339	(6.164.540)
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy QN	7.131.509.609	5.682.982.574
Cộng	7.142.359.811	5.678.425.281

10. Lãi cơ bản, Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	56.081.559.384	64.967.785.137
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.081.559.384	64.967.785.137
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.039	2.362

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2024 -> 31/12/2024	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	258.064.063.921	182.439.381.579
Chi phí nhân công	38.424.599.468	43.434.070.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.072.220.717	12.213.389.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.427.518.091	122.971.303.245
Chi phí khác bằng tiền	19.930.355.097	12.175.794.335
Cộng	422.918.757.294	373.233.938.586

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8.343.334.105	10.555.598.995
Khấu hao tài sản cố định vô hình	308.640.288	308.640.288
Khấu hao bất động sản	1.420.246.324	1.349.150.098
Cộng	10.072.220.717	12.213.389.381

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	(4.687.974.483)	(7.841.200.758)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(17.500.000)	(2.325.000.000)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định và TS dài hạn khác	-	(227.272.727)
(Lãi)/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	(13.208.402.128)	(47.380.237.376)
Cộng	(50.117.920.214)	(57.773.710.861)

3. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền vay ngân hàng	541.062.288.244	457.745.082.542
Cộng	541.062.288.244	457.745.082.542

4. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền vay ngân hàng	(522.808.580.980)	(448.310.847.906)
Cộng	(522.808.580.980)	(448.310.847.906)

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin giao dịch với các bên liên quan****Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty CP CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Thành Tâm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	Công ty liên kết (gián tiếp)
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cùng chủ sở hữu

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty CP CNN Bình Định	Cho vay	54.960.781.541	
	Thu hồi vốn đã ứng	26.611.758.992	-
	Lãi cho vay	3.668.385.908	361.708.561
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Nhận tiền cổ tức	4.998.000.000	3.123.750.000
	Bán hàng hóa	7.892.240.000	11.025.992.286
	Mua hàng hóa	7.112.006.600	9.978.654.700
Công ty CP Chế biến gỗ nội thất Thành Tâm	Nhận tiền cổ tức	5.761.920.000	6.662.220.000
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Mua hàng	-	125.844.802.480
	Nhận tiền cổ tức	5.351.390.000	-
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Doanh thu cho thuê VP	85.851.213	58.347.022
	Lãi ứng trước tiền hàng	99.453.699	499.719.452
	Ứng trước cho người bán	16.410.000.000	
	Thu hồi ứng	6.300.000.000	-
Công ty TNHH SX Dăm gỗ Bình Định	Bán hàng	79.068.784.239	100.905.874.500
	Nhận tiền cổ tức	3.454.263.270	2.942.100.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Doanh thu cho thuê VP + khách	85.851.213	209.391.431
	Ứng trước cho người bán		33.180.000.000
	Thu hồi ứng		33.180.000.000
	Cho vay	17.000.000.000	
	Thu hồi vay	35.780.780.000	21.350.000.000
	Trả cổ tức		26.733.508.000
	Lãi cho vay	405.129.191	3.438.479.733

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP CNN Bình Định	Cho vay	47.209.441.549	-
	Phải thu khác ngắn hạn	4.377.459.224	-
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Phải thu khách hàng	35.448.929	27.848.780
	Ứng trước cho người bán	16.410.000.000	6.300.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	4.460.995.338	3.992.309.858

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bên liên quan	Khoản mục	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Phải thu khách hàng	1.794.373.163	1.799.313.589
	Phải thu về cho vay	2.200.000.000	40.130.780.000
	Phải thu khác ngắn hạn	1.190.210.433	8.418.652.351
	Ứng trước cho người bán	-	6.500.000.000

Bình Định, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Hoàng Trọng Việt
Lập biểuNguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng
Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc